

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 16/2023/DS-ST

Ngày: 31/3/2023

Về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Ngọc Diệu.

Bà Trần Thị Thanh Nga.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện VKSND thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2020/TLST-DS ngày 14/10/2020, về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn A, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/Bà Trần Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2/Bà Trần Thị E, sinh năm 1966.

Địa chỉ: khu phố 11, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

3/Bà Trần Thị F, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

4/Ông Trần Văn G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

5/Ông Trần Văn H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

6/ Bà Đỗ Thị I, sinh năm 1960.

7/Bà Trần Thị Thu J, 1984.

8/Ông Nguyễn Minh K, 1982.

9/Nguyễn Trần An L, sinh năm 2007.

10/ Nguyễn Trần An Nhiên, sinh năm 2015.
Cùng địa chỉ: khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Bà Đỗ Thị I, bà Trần Thị Thu J, ông Nguyễn Minh K uỷ quyền cho ông Trần Văn C tham gia tố tụng tại phiên tòa.
Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***/Trong đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 và bản tự khai ngày 20/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày:**

Cha ông tên Trần Văn Tỷ mất năm 1971, mẹ ông tên Nguyễn Thị Thuận mất năm 2018, cha mẹ ông sinh được 7 người con gồm ông, Trần Văn C, Trần Văn G, Trần Văn H, Trần Thị F, Trần Thị E, Trần Thị D. Tài sản cha mẹ ông gồm nhà cấp 4 gắn liền với đất; thửa đất êm trồng hoa màu và một rẫy dương, các tài sản này đều tọa lạc tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản trên theo quy định pháp luật. Ngày 06/6/2023, Ông Trần Văn A có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất êm trồng hoa màu và một rẫy dương, ông A chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà và đất tọa lạc tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cho 7 người anh chị em ông, ông đồng ý giao nhà cho ông Trần Văn C sở hữu, ông C hoàn tiền lại cho ông, chị và các em ông.

Nhà và đất yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc đất là của ông ngoại, ông ngoại chỉ có mình mẹ ông, ông ngoại chết để lại cho mẹ ông ở. Năm 2005, em trai ông là Trần Văn G bỏ tiền ra xây dựng cất nhà cộng với thêm 50.000.000 đồng là tiền của mẹ ông đưa thêm.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông A xác định giá trị tài sản thừa kế trên tại thời điểm hiện tại đối với nhà và đất là 5.195.700.000 đồng theo như Chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2023 của Công ty TNHH HẰNG ĐỊNH GIÁ VÀ KIỂM TOÁN CHÂU Á.

Tại phiên tòa, ông A yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tọa lạc tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết theo pháp luật và yêu cầu giao nhà và đất cho ông C, ông C hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế. Đối với tài sản là thửa đất êm trồng hoa màu và rẫy rừng dương thì ông xin rút yêu cầu chia thừa kế.

***/Bi đơn ông Trần Văn C trình bày:**

Cha ông tên Trần Văn Tỷ (mất năm 1971), mẹ Nguyễn Thị Thuận (mất 2018). Cha mẹ ông sinh được 7 người con gồm Trần Thị D, Trần Văn C, Trần Văn A, Trần Thị E, Trần Thị F, Trần Văn G, Trần Văn H. Cha mẹ ông chết không để lại khối tài sản nào cả. Nguồn gốc căn nhà ông A yêu cầu chia thừa kế là nhà tự thờ cúng ông bà, lúc đó là nhà vách lá do ông là con trai trưởng nên vào năm 1997, gia đình ông cùng họp lại quyết định giao căn nhà này cho ông được bảo quản, thờ cúng ông bà và nuôi dưỡng mẹ già. Biên bản được những người nam trong gia đình

ký, còn những người nữ thì ngồi nghe không ký. Đến năm 2005, căn nhà lá được mẹ ông bán đất của ông ngoại xây lại nhà tự này như hiện nay.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu của ông A vì nhà này đã giao cho ông có sự xác nhận của khu phố vào ngày 05/12/1997. Đối với việc rút yêu chia thừa kế của ông Trần Văn A về đất hoa màu và rừng dương thì ông không có ý kiến gì.

Ngày 09/02/2023, ông có đơn yêu cầu phản tố. Ngày 27/02/2023, ông xin rút yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn C vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với yêu cầu của ông Trần Văn A.

Ông không ý kiến gì về chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2023 của Công ty TNHH HẰNG ĐỊNH GIÁ VÀ KIỂM TOÁN CHÂU Á.

***/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H trình bày:**

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn A.

Tại phiên tòa, bà D, bà E, ông G, ông H thống nhất với ý kiến ông A yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tọa lạc tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết theo pháp luật và đồng ý giao nhà và đất cho ông C sở hữu, ông C hoàn lại tiền cho các đồng thừa kế. Đối với tài sản là thửa đất êm trồng hoa màu và rẫy rừng dương các bên không có ý kiến gì đối với việc ông A xin rút yêu cầu chia thừa kế.

Các bên thống nhất xác định giá trị tài sản thừa kế trên tại thời điểm hiện tại đối với nhà đất là 5.195.700.000 đồng theo như Chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2023 của Công ty TNHH HẰNG ĐỊNH GIÁ VÀ KIỂM TOÁN CHÂU Á.

***/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị F trình bày:**

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn C.

Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Nhà và đất giao cho ông C thờ cúng ông bà tổ tiên không được chia.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị F vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với yêu cầu của ông Trần Văn A.

Bà không ý kiến gì về chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2023 của Công ty TNHH HẰNG ĐỊNH GIÁ VÀ KIỂM TOÁN CHÂU Á.

***/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị I trình bày:**

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn C. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết yêu cầu ông Trần Văn A phải lại tiền bảo quản, nuôi mẹ già và thờ cúng từ năm 1997 đến nay cho vợ chồng bà số tiền là 9.125.000.000 đồng (Chín tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và trả lại thửa đất theo hiện trạng Cn đầu cho ông Trần Văn C để ông C cất lại nhà thờ cúng bà nội cô và ông bà, cha mẹ, ông ngoại.

Ngày 10/02/2023, bà I có đơn yêu cầu độc lập. Ngày 28/02/2023, bà I xin rút yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn C là đại diện theo uỷ quyền của bà I vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với yêu cầu của ông Trần Văn A.

***/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà trần Thị Thu J, ông Nguyễn Minh K và là đại diện của cháu Nguyễn Trần An L, Nguyễn Trần An Nhiên trình bày:**

Vợ chồng ông bà cùng hai con ở ngôi nhà này với C mẹ là ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị I. Vợ chồng bà chỉ ở trong ngôi nhà này, không có sửa chữa hay đóng góp công sức gì đối với ngôi nhà mà ông Trần Văn A đang tranh chấp. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, ông Trần Văn C là đại diện theo uỷ quyền của bà J, ông Thành trình bày: các con ông chỉ ở trong ngôi nhà này không đóng góp công sức gì đối với nhà này.

***Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết ngày 09/11/2020 và Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 17/11/2020 của Công ty TNHH TV – DVKS – ĐO ĐẠC HTB:**

Tài sản đang tranh chấp thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, có diện tích thực tế 216,5m² (diện tích đo đạc thực tế 223m²) đã được UBND thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591 ngày 23/3/2007 mang tên bà Nguyễn Thị Thuận, tài sản gắn liền trên đất 01 căn nhà cấp 4A, có diện tích 132m².

Tại chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2003 của Công ty TNHH HĂNG ĐỊNH GIÁ VÀ KIỂM TOÁN CHÂU Á. Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, diện tích 223m² tọa lạc tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận trị giá 4.944.901.458 đồng. Nhà cấp 4A, có diện tích 132m² trị giá 250.800.000 đồng. Tổng trị giá nhà và đất là 5.195.700.000 đồng.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, xác định thửa đất thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, có diện tích đo đạc thực tế 223m² đã được UBND thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591 ngày 23/3/2007 mang tên bà Nguyễn Thị Thuận, tài sản gắn liền trên đất 01 căn nhà cấp 4A, có diện tích 132m² là di sản của bà Thuận để lại và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Đề nghị Toà án xem xét công sức của bị đơn Trần Văn C. Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A về chia thừa kế đối với đất hoa màu và rừng dương. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị I.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Thuận theo quy định của pháp luật, di sản là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích 216,5 m², diện tích đo đạc thực tế là 223m² tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận được UBND thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591, số vào sổ cấp GCN H00535 – VP ngày 23/3/2007 cho bà Nguyễn Thị Thuận. Bị đơn ông Trần Văn C có nơi cư trú tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; Người để lại di sản là bà Thuận chết chưa quá 30 năm tính từ ngày ông A khởi kiện nên việc Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 05 Điều 26; điểm a khoản 01 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2/Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ ông Trần Văn Tỷ và cụ bà Nguyễn Thị Thuận sinh được 07 người con là ông Trần Văn C, ông Trần Văn A, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H, bà Trần Thị F, bà Trần Thị E, bà Trần Thị D. Cụ ông Trần Văn Tỷ mất năm 1971, cụ bà Nguyễn Thị Thuận mất năm 2018, Sau thời gian cụ ông Trần Văn Tỷ mất, vào năm 2007 cụ bà Nguyễn Thị Thuận được UBND thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích 216,5 m², diện tích đo đạc thực tế là 223m² tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591, số vào sổ cấp GCN H00535 – VP ngày 23/3/2007. Năm 2018, cụ bà Nguyễn Thị Thuận chết không để lại di chúc. Nay nguyên đơn, ông Trần Văn A yêu cầu chia di sản của cụ bà Nguyễn Thị Thuận để lại theo quy định pháp luật, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G, ông Trần Văn H, bà Trần Thị E, bà Trần Thị D đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn A.

Đối với bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị F cho rằng ngôi nhà để lại cho ông C làm nhà thờ tự cúng ông bà, không đồng ý chia thừa kế.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Trần Văn C xác định nhà và đất mà ông Trần Văn A yêu cầu chia thừa kế thì đã giao cho ông C được thừa kế theo biên bản bảo quản phân chia tài sản có sự xác nhận của khu phố vào ngày 05/12/1997 và hiện nay thửa đất chia thừa kế đã hết hạn nên thuộc quyền sở hữu của ông.

Xét thấy, nội dung biên bản ngày 05/12/1997 chỉ là biên bản họp gia đình của ông Trần Văn C thoả thuận giao cho ông C bảo quản nhà đất (nhà lá), thờ cúng ông bà và phụng dưỡng mẹ già (cụ bà Thuận) chứ không phải là di chúc của cụ bà Nguyễn Thị Thuận giao nhà đất này cho ông C được toàn quyền định đoạt. Mặt khác, tại biên bản trên không có chữ ký xác nhận của những người đồng thừa kế còn lại gồm bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị F.

Đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích 216,5 m², diện tích đo đạc thực tế là 223m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591, số vào sổ

cấp GCN H00535 – VP ngày 23/3/2007 cho cụ bà Nguyễn Thị Thuận thì đất ở 150m² đô thị, 66,5m² đất trồng cây hàng năm khác sử dụng đến năm 2013. Theo Công văn số 348/UBND –NC ngày 27/01/2023 của UBND thành phố Phan Thiết thì “...Đối với đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 66,5m² thì thời hạn sử dụng đến năm 2013 đã hết. Vậy người quản lý, sử dụng vẫn được tiếp tục gia hạn thời hạn sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ nếu sử dụng đất mục đích. Căn cứ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2020 của thành phố Phan Thiết tại quyết định số 3129/QĐ – UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận thì vị trí thửa đất nằm trong quy hoạch đất ở đô thị và căn cứ bản đồ quy hoạch phân khu phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tại quyết định số 4161/QĐ – UBND ngày 10/8/2022 của UBND thành phố Phan Thiết thì vị trí thửa đất nằm trong quy hoạch đất nhóm nhà ở. Thửa đất này không thuộc diện quy hoạch, giải tỏa”.

Tại Điều 624 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”.

Tại Điều 649 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau “*Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định*”.

Tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau “*Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây: a) Không có di chúc;..*”

Việc bị đơn ông Trần Văn C cho rằng cứ căn vào biên bản bản bảo quản phân chia tài sản có sự xác nhận của khu phố vào ngày 06/12/1997 và đất chia thừa kế đã hết thời hạn thì căn nhà và đất đang tranh chấp là giao cho ông được quyền quản lý để làm nhà tự nên ông C không đồng ý chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích 216,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591, số vào sổ cấp GCN H00535 – VP ngày 23/3/2007 cho cụ bà Nguyễn Thị Thuận, hiện trạng thửa đất theo kết quả đo đạc có diện tích 223m². Theo công văn số 348/UBND –NC ngày 27/01/2023 của UBND thành phố Phan Thiết thì “*Căn cứ Bản đồ 60/CP (đo đạc năm 1997) thì phần diện tích đất chênh lệch 6,5m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591 là do sai số trong đo đạc. Trong trường hợp này, ranh giới thửa đất đã được sử dụng ổn định, không thay đổi và sự chênh lệch diện tích là do sai số trong đo đạc. Vì vậy người quản lý, sử dụng đất vẫn được xem xét điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích thực tế*”. Hiện nay thửa đất đã được sử dụng ổn định, ranh giới không thay đổi. Do vậy, xác định thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích thực tế là 223m².

Do đó, có cơ sở xác định là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích 216,5 m², diện tích đo đạc thực tế là 223m² tại khu phố 05, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591, số vào sổ cấp GCN H00535 – VP ngày 23/3/2007 là di sản của cụ bà Nguyễn Thị Thuận để lại. Cụ bà Thuận chết không để lại di chúc, do đó di sản trên sẽ được

phân chia thừa kế theo pháp luật nên yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn A có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G, ông Trần Văn H, bà Trần Thị E, bà Trần Thị D thống nhất trị giá đất và tài sản gắn liền trên đất theo chứng thư thẩm định giá ngày 28/02/2023 của Công ty TNHH hằng định giá và kiểm toán Châu Á. Đối với bị đơn ông Trần Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị F không có ý kiến gì về chứng thư thẩm định giá.

Di sản của bà Thuận để lại thừa đất số 96, tờ bản đồ số 23, có diện tích thực tế 223m² tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp 4 A có diện tích 132m², Aông gạch, mái tole, nền lát gạch ceramic trị giá như sau: giá trị quyền sử dụng đất là 4.944.901.458 đồng, giá trị quyền sở hữu công trình trên đất (nhà) là 250.800.000 đồng. tổng cộng là 5.195.700.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thuận chết không để lại di chúc nên di sản của bà Thuận được chia đều cho 7 người con gồm bà Trần Thị D, ông Trần Văn C, ông Trần Văn A, bà Trần Thị F, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H.

Trong quá trình giải quyết, ông Trần Văn A, bà Trần Thị D, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H yêu cầu giao di sản của bà Thuận để lại cho ông Trần Văn C sở hữu và ông C có trách nhiệm hoàn tiền chia thừa kế cho các đồng thừa kế.

Xét thấy, hiện nay ông Trần Văn C cùng vợ và các con ở trên tài sản này nên nay tiếp tục giao cho ông C được quyền sử dụng và quyền sở hữu đối với nhà và đất trên và ông Trần Văn C có trách nhiệm hoàn lại tiền chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế là đúng theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, khi chia di sản của cụ Thuận cần xem xét công sức bảo quản, gìn giữ di sản đối với ông Trần Văn C. Tại phiên tòa, nguyên đơn cùng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng ông C không có công sức gì đối với di sản của cụ bà Thuận để lại, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương cho biết ông C đã sinh sống tại căn nhà này từ năm 2005 cho đến nay, tuy ông C xác nhận chỉ ở không tu sửa xây dựng gì đối với căn nhà, nhưng xét thấy ông C có công sức bảo quản, gìn giữ di sản, do đó xem xét tính công sức cho ông Trần Văn C là 10% trên tổng giá trị di sản cụ Thuận để lại là hợp lý.

Ngày 06/6/2023, Ông Trần Văn A có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế tài sản nên đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A.

Trong quá trình giải quyết, ngày 09/02/2023, ông Trần Văn C có đơn phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết yêu cầu ông Trần Văn A phải tính lại cho vợ chồng ông số tiền là 9.125.000.000 đồng (Chín tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng) (mỗi ngày 1.000.000 đồng từ ngày 05/12/1997 đến năm 2023) và trả lại thừa đất theo hiện trạng Cn đầu cho ông để ông cất lại nhà thờ cúng bà nội cô và ông bà, cha mẹ, ông ngoại.

Ngày 27/02/2023, ông Trần Văn C xin rút yêu cầu phản tố nên đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C.

Ngày 10/02/2023, Bà Đỗ Thị I là vợ ông Trần Văn C có đơn yêu cầu độc lập. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết yêu cầu ông Trần Văn A phải lại tiền bảo quản, nuôi mẹ già và thờ cúng từ năm 1997 đến nay cho vợ chồng bà số tiền là 9.125.000.000 đồng (Chín tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và trả lại thửa đất theo hiện trạng Cn đầu cho ông Trần Văn C để ông C cất lại nhà thờ cúng bà nội cô và ông bà, cha mẹ, ông ngoại.

Ngày 28/02/2023, bà Đỗ Thị I xin rút yêu cầu độc lập nên đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị I.

Đối với ông Trần Văn G cùng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên không có yêu cầu đối với số tiền xây dựng nhà nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với bà Đỗ Thị I, Trần Thị Thu J, Nguyễn Minh K, Nguyễn Trần An L, Nguyễn Trần An Nhiên là vợ và con, cháu ông Trần Văn C ở tại ngôi nhà này, trong quá trình giải quyết vợ con ông C xác nhận chỉ ở nhà chứ không có công sức đóng góp gì đối với di sản của cụ bà Thuận và các bên không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn A chia di sản thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị Thuận. Do vậy, các đương sự phải nộp án phí Aong ứng với phần tài sản mà mình được chia.

Ngày 31/3/2023, bà Trần Thị D, ông Trần Văn C, ông Trần Văn A có đơn xin miễn án phí với lý do người cao tuổi.

Về chi phí xem xét, thẩm định giá và đo đạc: Ông Trần Văn A đã nộp số tiền 41.974.000 đồng, do vậy căn cứ Điều 157, Điều 165 bộ luật tố tụng dân sự nên buộc các đương sự khác phải hoàn lại cho ông Trần Văn A là đúng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng:

- Khoản 05 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 623, Điều 624, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Đất Đai.

- Điểm đ khoản 01 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A về việc chia di sản thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị Thuận.

- Xác định thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23 có diện tích đo đạc thực tế là 223 m² và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp 4A, có diện tích 132 m² tọa lạc tại

khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận do UBND thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591 ngày 23/3/2007 mang tên bà Nguyễn Thị Thuận, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông Phạm Văn Bình, Phía Tây giáp đường bê tông, Phía Nam giáp đường bê tông, Phía Bắc giáp đất ông Lê Thanh Hải (kèm theo bản trích đo bản đồ vị trí khu đất của Công ty TNHH TV – DVKS – Đo đạc HTB) trị giá 5.195.700.000 đồng (Năm tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) là di sản của cụ bà Nguyễn Thị Thuận.

- Tiền công sức, bảo quản gìn giữ di sản của ông Trần Văn C là 519.570.000 đồng ($5.195.700.000 \text{ đồng} \times 10\% = 519.570.000 \text{ đồng}$).

- **Chia bằng tiền:** bà Trần Thị D, ông Trần Văn A, bà Trần Thị F, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H mỗi người được nhận 668.018.000 đồng (F trăm, F mươi tám triệu, không trăm mười tám nghìn đồng).

Ông Trần Văn C được nhận 1.187.588.000 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- **Chia bằng hiện vật:** giao cho ông Trần Văn C được quyền sử dụng thửa đất số 96, tờ bản đồ số 23 có diện tích đo đạc thực tế là 223 m^2 và quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4A có diện tích 132 m^2 tọa lạc tại khu phố 5, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận do UBND thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 268591 ngày 23/3/2007 mang tên bà Nguyễn Thị Thuận có tứ cận như sau phía Đông giáp đất ông Phạm Văn Bình, Phía Tây giáp đường bê tông, Phía Nam giáp đường bê tông, Phía Bắc giáp đất ông Lê Thanh Hải (kèm theo bản trích đo bản đồ vị trí khu đất của Công ty TNHH TV – DVKS – Đo đạc HTB).

- **Phản hoàn di sản và tài sản trên đất:**

Ông Trần Văn C có trách nhiệm hoàn lại cho bà Trần Thị D, ông Trần Văn A, bà Trần Thị F, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H mỗi người là 668.018.000 đồng (F trăm, F mươi tám triệu, không trăm mười tám nghìn đồng).

Ông Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền cập nhật chỉnh lý biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A đối với yêu cầu chia đất hoa màu và đất rừng dương.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị I.

- **Về án phí:** bà Trần Thị F, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H mỗi người nộp 30.720.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị D, ông Trần Văn C, ông Trần Văn A được miễn án phí. Ngày 09/10/2020 ông Trần Văn A đã nộp 4.275.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền 0007996 của Chi cục thi hành án Phan Thiết, hoàn trả cho ông A số tiền 4.275.000 đồng.

- **Về chi phí thẩm định giá, đo đạc:** bà Trần Thị D, ông Trần Văn C bà Trần Thị F, bà Trần Thị E, ông Trần Văn G, ông Trần Văn H mỗi người hoàn lại cho ông Trần Văn A số tiền là 5.996.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TP. Phan Thiết ;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà